

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội
huyện Như Thanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030**

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ quyết định số 872/QĐ-TTg ngày 17/06/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 23/4/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt đề cương nhiệm vụ và dự toán dự án điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Như Thanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND huyện Như Thanh tại Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 30/11/2016 và Báo cáo số 129/BC-HĐTĐ ngày 30/12/2016 về kết quả thẩm định dự án Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Như Thanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Như Thanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với những nội dung sau:

I. Quan điểm phát triển

1. Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Như Thanh đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa đến năm 2020, định hướng đến năm 2030; quy hoạch ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ yếu của tỉnh.

2. Khai thác tốt các tiềm năng, lợi thế nhằm huy động và sử dụng có hiệu

quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Tập trung phát triển các ngành, lĩnh vực, sản phẩm chủ lực theo hướng công nghiệp hóa; ưu tiên phát triển nông nghiệp toàn diện có năng suất, chất lượng cao, đi đôi với đẩy mạnh phát triển dịch vụ thương mại, du lịch, phát triển công nghiệp và các ngành nghề truyền thống.

3. Phát huy tối đa nhân tố con người vào phát triển kinh tế - xã hội; khơi dậy ý chí tự lực, tự cường, năng động, sáng tạo, vượt khó đi lên làm giàu chính đáng và đóng góp vào sự nghiệp phát triển của quê hương, đất nước. Đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất và xem đây là động lực trong việc nâng cao năng lực cạnh tranh của huyện.

4. Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia, các công trình, dự án lớn, trọng điểm, có tác động lan tỏa, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của huyện; huy động hiệu quả các nguồn lực để xây dựng nông thôn mới.

5. Phát triển kinh tế kết hợp với giải quyết các vấn đề xã hội; quan tâm phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao; đẩy nhanh tốc độ giảm nghèo, cải thiện và nâng cao mức sống của đồng bào các dân tộc trong huyện. Bảo vệ và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên thiên nhiên; bảo vệ và cải thiện môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

6. Phát triển kinh tế - xã hội gắn với củng cố quốc phòng - an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

II. Mục tiêu phát triển

1. Mục tiêu tổng quát

Tranh thủ tốt thời cơ, vận hội mới; tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh, huy động tối đa và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực cho đầu tư phát triển; đẩy mạnh tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng; đặc biệt là tái cơ cấu nông nghiệp, coi phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới là nền tảng, phát triển công nghiệp là then chốt, tập trung phát triển du lịch và các dịch vụ có lợi thế. Tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho nhân dân; quan tâm bảo vệ môi trường, sử dụng có hiệu quả tài nguyên thiên nhiên, đảm bảo cho phát triển nhanh và bền vững. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

a) Về kinh tế

- Tốc độ tăng giá trị sản xuất (GTSX) bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 16,5%; giai đoạn 2021 - 2025 đạt 17,1%.

- Cơ cấu GTSX (giá hiện hành) đến năm 2020: nông, lâm, thủy sản chiếm 23,0%; công nghiệp - xây dựng chiếm 45%; dịch vụ chiếm 32,0%; đến năm 2025 tương ứng là: 17,6% - 46,4% - 36,0%.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2020 đạt 35 triệu đồng và năm 2025 đạt 50 triệu đồng.

- Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 9 triệu USD; năm 2025 đạt 10 triệu USD.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội giai đoạn 2016 - 2020 đạt 8.000 tỷ đồng; giai đoạn 2021 - 2025 đạt 15.700 tỷ đồng.

- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2020 đạt 50%; năm 2025 đạt 55 - 80%.

- Tỷ lệ đô thị hóa năm 2020 đạt 14%; năm 2025 đạt 17%.

- Tỷ lệ đường giao thông (liên xã, liên thôn) được cứng hóa năm 2020 đạt 70% ; năm 2025 đạt 80%.

b) Về văn hóa - xã hội

- Tỷ lệ tăng dân số bình quân giai đoạn 2016 - 2025 đạt 0,8%.

- Tỷ lệ hộ nghèo giảm bình quân 5%/năm giai đoạn 2016 - 2025 (theo chuẩn nghèo từng giai đoạn).

- Tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia năm 2020 đạt 70%; năm 2025 đạt 89%.

- Tỷ lệ lao động qua đào tạo năm 2020 đạt 65%; năm 2025 đạt 70%.

- Tỷ lệ lao động nông nghiệp trong tổng lao động năm 2020 đạt 60%; năm 2025 đạt 50%.

- Giai đoạn 2016 - 2025, mỗi năm tạo việc làm mới cho 1.700 lao động.

- Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng năm 2020 giảm còn 14%; năm 2025 giảm còn dưới 10%.

- Tỷ lệ xã, thị trấn đạt tiêu chí quốc gia về y tế năm 2020 đạt 100%.

c) Về môi trường

- Tỷ lệ che phủ rừng năm 2020 đạt 54,3% và giữ ổn định đến năm 2025.

- Tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch năm 2020 đạt 85%; năm 2025 đạt 98%.

- Tỷ lệ dân số nông thôn dùng nước hợp vệ sinh năm 2020 đạt 96%; năm 2025 đạt 100%.

d) Về quốc phòng - an ninh

- Tỷ lệ khu dân cư đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh trật tự năm 2020 đạt 75%; năm 2025 đạt 100%.

- Tỷ lệ đơn vị cơ sở an toàn làm chủ sẵn sàng chiến đấu đạt 100%.

3. Mục tiêu đến năm 2030

- Tốc độ tăng GTSX bình quân giai đoạn 2026 - 2030 đạt 17,5%.

- Thu nhập bình quân đầu người năm 2030 đạt 70 triệu đồng.

- Cơ cấu GTSX: nông, lâm, thủy sản chiếm 17,6%; công nghiệp - xây dựng chiếm 46,4%; dịch vụ chiếm 36%.

- Tổng vốn đầu tư toàn xã hội đến năm 2030 đạt 30,7 nghìn tỷ đồng.

- Tỷ lệ qua đào tạo đến năm 2030 đạt 80%.
- Tỷ lệ đô thị hóa năm 2030 đạt trên 20%.
- Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới năm 2030 đạt 100%.

III. Định hướng phát triển các ngành, các lĩnh vực đến năm 2025

1. Về kinh tế

a) Nông, lâm, thủy sản

Tập trung đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp; phát triển các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao gắn với chế biến và thị trường tiêu thụ nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của sản phẩm; ưu tiên phát triển các sản phẩm mà huyện có lợi thế như: lúa nguyên liệu; lúa chất lượng cao; ngô, ớt xuất khẩu; bí xanh, xu hào, bắp cải, ngô ngọt, hoa, cây cảnh, cây ăn quả; cây dược liệu, các loại gỗ lớn (lát hóa, lim xanh, muồng đen...), gỗ nguyên liệu (keo, xoan, cao xu...); cỏ nguyên liệu; chăn nuôi trâu, bò thịt, bò sữa, dê, lợn, gia cầm... Phần đầu GTSX ngành nông, lâm, thủy sản tăng bình quân giai đoạn 2016 - 2025 đạt 9,4%, trong đó giai đoạn 2016 - 2020 đạt 9,7% và giai đoạn 2021 - 2025 đạt 9,1%.

- *Trồng trọt*: ưu tiên sử dụng các giống lúa chất lượng cao, ngô năng suất cao, rau an toàn, hoa - cây cảnh, mía thâm canh, cây thức ăn chăn nuôi, cây ăn quả nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp. Từng bước giảm dần diện tích đất trồng lúa, để đến năm 2020 diện tích đất trồng lúa khoảng 6,4 nghìn ha và đến năm 2025 giảm còn 5,7 nghìn ha; đồng thời, tăng cường ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chú trọng sử dụng các loại giống mới có năng suất cao vào sản xuất, phần đầu sản lượng lương thực bình quân hàng năm ổn định ở mức 36 nghìn tấn. Ổn định diện tích ngô khoảng 850 ha; diện tích rau củ thực phẩm khoảng 1.230 ha; diện tích mía trên 3.000 ha và diện tích cây ăn quả khoảng 2.320 ha.

Phát triển vùng trồng hoa, cây cảnh ở những nơi có điều kiện thuận lợi về thời tiết, thổ nhưỡng như: Bến Sung, Xuân Du, Hải Long, Hải Vân...; phần đầu đến năm 2025, phát triển vùng trồng hoa, cây cảnh với diện tích khoảng 30 - 50 ha; chú trọng phát triển vùng trồng đào cảnh tại các xã: Phượng Nghi, Xuân Du, Cán Khê, với diện tích 120 ha.

- *Chăn nuôi*: phát triển chăn nuôi theo hướng trang trại tập trung gắn với các cơ sở chế biến, đảm bảo an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường. Ưu tiên phát triển chăn nuôi bò sữa, bò thịt chất lượng cao, lợn hướng nạc, lợn cỏ, lợn rừng, gà đồi, ong mật, dê và một số con nuôi đặc sản khác. Phát triển mạnh đàn bò sữa để nâng tổng đàn bò sữa năm 2025 lên 23,1 nghìn con, tạo nguồn nguyên liệu ổn định cung cấp cho Công ty CP sữa Việt Nam và Công ty TH True Milk. Đến năm 2025, đàn trâu đạt 10 nghìn con, đàn lợn thịt đạt 20,6 nghìn con, đàn gia cầm đạt 200 nghìn con; nâng tỷ trọng chăn nuôi năm 2020 đạt 35 - 40% GTSX ngành nông nghiệp và năm 2025 đạt 45 - 50%.

- *Lâm nghiệp*: phát triển lâm nghiệp bền vững cả về kinh tế, xã hội và môi

trường; mỗi năm trồng mới 1.400 ha rừng tập trung và 17 nghìn cây phân tán. Phân đầu đến năm 2025, giữ ổn định 3.365 ha rừng đặc dụng, 9.953 ha rừng phòng hộ và 22.820 ha rừng sản xuất. Phát triển rừng sản xuất theo hướng thâm canh, sản xuất cây có giá trị kinh tế cao gắn với công nghiệp chế biến; ưu tiên phát triển rừng gỗ lớn với các cây trồng như: Lát hoa, Lim xanh, Mỡ, Xoan, Keo tai tượng, phấn đầu đến năm 2025 toàn huyện có trên 3.000 ha rừng thâm canh gỗ lớn.

- *Thủy sản*: tập dụng tối đa diện tích mặt nước ao, hồ, sông, suối để nuôi trồng thủy sản theo hướng thâm canh; đẩy mạnh nuôi cá lồng trên sông và các hồ lớn. Đến năm 2025, diện tích nuôi trồng thủy sản trên địa bàn toàn huyện là 530 ha; phấn đầu sản lượng thủy sản đạt 2,5 nghìn tấn với các con nuôi chủ lực như: cá trắm, cá chép, cá mè, rô phi đơn tính, ba ba...

b) Công nghiệp và xây dựng

Phát triển công nghiệp theo hướng giảm tỷ trọng ngành công nghiệp khai khoáng, sản xuất vật liệu xây dựng và ngành có tác động xấu đến môi trường; tăng tỷ trọng các ngành công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, chế biến sâu, thân thiện môi trường. Ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chủ lực mà huyện có lợi thế như: sản xuất phụ gia xi măng, may mặc, giày da, chế biến nông, lâm sản... Khuyến khích phát triển các ngành nghề truyền thống như: cơ khí, mộc dân dụng. Phấn đầu tốc độ tăng GTSX ngành công nghiệp bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 16,9%; giai đoạn 2021 - 2025 đạt 20,5%.

- *Công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản*: tập trung phát triển công nghiệp khai thác, chế biến khoáng sản tại xã Mậu Lâm, Phú Nhuận, Yên Lạc, Xuân Thái, Thanh Tân, Thanh Kỳ, với các sản phẩm chủ yếu như ferocrom, quặng sắt, phụ gia xi măng... Phấn đầu đến năm 2020 và giữ ổn định đến 2025 đạt 15 nghìn tấn ferocrom, 6 triệu tấn phụ gia xi măng, 16 nghìn tấn gang, 150 nghìn tấn dăm gỗ (nguyên liệu giấy), 20 nghìn m³ sản phẩm gỗ ván ép.

- *Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng*: khai thác hiệu quả nguồn nguyên liệu và lực lượng lao động sẵn có tại địa phương để phát triển ngành công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng như gạch ngói, cát, đá các loại. Phấn đầu đến năm 2020 và giữ ổn định đến 2025, đạt 790 nghìn m³ đá xây dựng, 44 nghìn m² đá ốp lát, 10 triệu viên gạch.

- *Công nghiệp chế biến*: củng cố các cơ sở xay sát lương thực, chế biến thực phẩm phục vụ nhu cầu tại chỗ; chuyển đổi mô hình nhà máy chế biến thực phẩm Hải Long; đầu tư xây dựng các cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm tại Bến Sung, Thanh Tân, Cán Khê.

- *Công nghiệp sản xuất điện*: tiếp tục duy trì tốt hoạt động nhà máy thủy điện sông Mực công suất 2 MW; đầu tư xây dựng nhà máy điện năng lượng mặt trời công suất 60 MW tại xã Hải Long.

- *Thủ công mỹ nghệ*: củng cố, khôi phục và phát triển các làng nghề truyền thống như đồ gỗ, hàng mỹ nghệ, hàng mây tre đan; đồng thời du nhập một số nghề mới có tiềm năng phát triển nhằm tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân.

- *Phát triển các cụm công nghiệp*: đẩy mạnh thu hút đầu tư vào cụm công nghiệp Xuân Khang; hình thành và phát triển cụm công nghiệp Hải Long, Xuân Du. Tạo môi trường thuận lợi để thu hút đầu tư vào 03 xã: Yên Lạc, Thanh Tân, Thanh Kỳ thuộc Khu kinh tế Nghi Sơn.

- *Xây dựng*: đẩy mạnh các hoạt động đầu tư xây dựng, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động của các doanh nghiệp xây dựng, đảm bảo đủ năng lực tham gia xây dựng các công trình lớn, yêu cầu kỹ thuật phức tạp. Phần đầu tốc độ tăng GTSX ngành xây dựng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 23,9% và giai đoạn 2021 - 2025 đạt 20,5%.

c) Các ngành dịch vụ

Phát triển đa dạng các loại hình và nâng cao chất lượng dịch vụ; đẩy mạnh phát triển các loại hình dịch vụ có tiềm năng và lợi thế như du lịch, thương mại, vận tải. Phần đầu tốc độ tăng GTSX ngành dịch vụ bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 16,6%; giai đoạn 2021 - 2025 đạt 16,7%.

- *Thương mại*: phát triển đa dạng các loại hình dịch vụ thương mại; đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống chợ hiện có, xây dựng các điểm phân phối và tiêu thụ sản phẩm tại thị trấn Bến Sung, xây dựng các chợ đầu mối tại Xuân Khang, Thanh Tân...; cải tạo các cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại thị trấn Bến Sung, xã Hải Long, xã Phú Nhuận, xã Mậu Lâm và xã Cán Khê. Phần đầu đến năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ đạt 607 tỷ đồng; bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 14,7%. Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 ước đạt 9 triệu USD và năm 2025 đạt 10 triệu USD.

- *Du lịch*: tập trung phát triển dịch vụ du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn của huyện với 05 loại hình dịch vụ du lịch chủ yếu, gồm: nghỉ dưỡng cao cấp, du lịch di sản, du lịch thương mại công vụ, du lịch sinh thái và du lịch tâm linh. Xây dựng đồng bộ hệ thống kết cấu hạ tầng các khu, điểm du lịch và các tuyến đường kết nối các khu, điểm du lịch. Phần đầu đến năm 2025, toàn huyện ước đón 450 nghìn lượt khách, trong đó có 2,5 nghìn lượt khách quốc tế; doanh thu du lịch đạt 236 tỷ đồng.

Tạo mọi điều kiện thuận lợi để triển khai thực hiện đầu tư và sớm đưa vào hoạt động Quần thể du lịch nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cao cấp Bến En, tạo điểm nhấn thúc đẩy phát triển du lịch trên địa bàn huyện; đẩy mạnh thu hút các dự án đầu tư bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị văn hóa của các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn huyện gắn với phát triển du lịch như: Khu di tích lịch sử văn hóa Na Sơn, di tích lịch sử Lò Cao Kháng Chiến...

- *Vận tải*: phát triển đa dạng các loại hình vận tải; khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư phương tiện kinh doanh dịch vụ vận tải trên địa bàn theo hướng nâng cao chất lượng dịch vụ; tiếp tục mở rộng các tuyến vận tải hành khách, hàng hóa đi các tỉnh phía Bắc, phía Nam và các địa phương khác trong tỉnh, đáp ứng nhu cầu sản xuất và đi lại của nhân dân; đẩy mạnh phát triển dịch vụ vận tải bằng taxi trên địa bàn huyện.

- *Thông tin - truyền thông*: phát triển mạnh dịch vụ thông tin và truyền thông, đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc của người dân. Phấn đấu đến năm 2025 đạt 66 thuê bao điện thoại/100 dân, đạt 27 thuê bao internet/100 dân; 100% số xã, cơ quan trên địa bàn ứng dụng mô hình điện tử một cửa. Phát triển mạng lưới bưu cục, điểm bưu điện một cách hợp lý; mở thêm một số bưu cục ở các thị tứ; tiếp tục mở rộng mạng đại lý đa dịch vụ để rút ngắn bán kính phục vụ, nâng cao chất lượng dịch vụ bưu chính.

- *Tài chính - ngân hàng*: phát triển đa dạng dịch vụ tài chính, ngân hàng theo hướng hiện đại, đạt chuẩn quốc tế; khuyến khích các ngân hàng thương mại mở rộng quy mô, phát triển mạng lưới, đẩy mạnh huy động vốn, nhất là nguồn vốn nhàn rỗi trong nhân dân, đáp ứng nhu cầu vốn cho phát triển kinh tế trên địa bàn; đẩy mạnh phát triển dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt.

2. Về văn hoá - xã hội

a) Giáo dục - đào tạo

Sắp xếp, củng cố mạng lưới trường mầm non, tiểu học, THCS trên địa bàn theo quy hoạch giáo dục, tạo điều kiện cho việc bố trí, sắp xếp đội ngũ giáo viên trên địa bàn và nâng cao hiệu quả đầu tư cơ sở vật chất trường lớp học. Nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, từng bước rút ngắn khoảng cách về chất lượng giáo dục giữa các vùng trong huyện và mặt bằng chung của tỉnh; xây dựng đội ngũ giáo viên đủ về số lượng, đạt chuẩn về chất lượng; duy trì vững chắc kết quả phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; củng cố và nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục trung học cơ sở, thực hiện có hiệu quả đề án trường chất lượng cao THCS thị trấn Bến Sung. Phấn đấu đến năm 2020, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia đạt 71,4%, năm 2025 đạt 89%.

Huy động tối đa các nguồn lực để tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất trường lớp học; đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục; khuyến khích, huy động mọi nguồn lực trong xã hội tham gia vào công tác khuyến học, khuyến tài và xây dựng xã hội học tập; thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ, chính sách cho học sinh, sinh viên và cán bộ, giáo viên theo quy định.

b) Y tế, chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ nhân dân

Nâng cao chất lượng các hoạt động khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; đẩy mạnh tiếp nhận, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào khám và điều trị tại Bệnh viện Đa khoa huyện; tăng cường công tác y tế dự phòng, đảm bảo năng lực phát hiện và phòng chống các dịch bệnh mới phát sinh trên địa bàn. Đầu tư cải tạo, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho Bệnh viện Đa khoa huyện và các trạm y tế xã, thị trấn; phấn đấu đến năm 2020 đạt tỷ lệ 7 bác sỹ/vạn dân và đến năm 2025 đạt tỷ lệ 7,5 bác sỹ/vạn dân; 100% thôn, bản, khu phố đều có cán bộ y tế.

Đẩy mạnh phát triển y tế toàn dân, quan tâm hỗ trợ người nghèo và các đối tượng chính sách, phấn đấu đến năm 2020 đạt 86% dân số tham gia bảo hiểm y tế, năm 2025 đạt 95%; khuyến khích người dân tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.

c) Văn hoá - thể dục thể thao

Bảo tồn, phát triển văn hóa truyền thống và bản sắc văn hóa của các dân tộc trong huyện; quan tâm bảo tồn, tôn tạo, chống xuống cấp các di tích lịch sử văn hóa; khôi phục, gìn giữ và phát huy các lễ hội, làng nghề truyền thống gắn với phát triển du lịch. Thực hiện tốt công tác xã hội hóa hoạt động văn hóa, từng bước thu hẹp khoảng cách về mức hưởng thụ văn hóa tinh thần giữa thành thị và nông thôn, giữa các vùng miền trong huyện. Tập trung đầu tư xây dựng, nâng cấp trung tâm văn hóa huyện và các thiết chế văn hóa xã, thôn, bản gắn với chương trình xây dựng nông thôn mới. Phần đầu đến năm 2020, có 50% số làng, bản, tổ dân phố đạt chuẩn văn hóa và năm 2025 đạt 70%.

Đẩy mạnh các phong trào luyện tập thể dục thể thao, tập trung vào đối tượng là học sinh, thanh niên, người cao tuổi, tạo thành nhu cầu và nếp sống thường xuyên trong nhân dân. Phần đầu đến năm 2020, tỷ lệ dân số tham gia luyện tập thể thao thường xuyên đạt 30 - 40% và năm 2015 đạt trên 50%.

d) Lao động, việc làm và giảm nghèo

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình về giảm nghèo, đặc biệt là chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo nhanh và bền vững theo Nghị quyết 30^a/NQ-CP của Chính phủ và Nghị quyết 09-NQ/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh; trên cơ sở khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh, tập trung phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và công nghiệp chế biến theo hướng bền vững. Huy động tối đa các nguồn lực đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế - xã hội; tổ chức thực hiện đồng bộ và lồng ghép hiệu quả các chính sách giảm nghèo để đầu tư, hỗ trợ sản xuất, tạo việc làm, giúp người nghèo tự lực vươn lên thoát nghèo bền vững. Phần đầu giai đoạn 2016 - 2025 giảm tỷ lệ hộ nghèo bình quân hàng năm 5% trở lên.

3. Phát triển kết cấu hạ tầng

a) Hạ tầng giao thông

- Đầu tư xây dựng tuyến đường mới, nối cao tốc Bắc Nam (xã Vạn Thiện - Nông Cống) đi Bến En
- Đầu tư xây dựng mới đường từ Bến En đi Am Tiên
- Nâng cấp các tuyến đường Quốc lộ đạt tiêu chuẩn đường cấp III, bao gồm: Quốc lộ 45; đường Nghi Sơn đi Bãi Trành và đường tỉnh 520
- Nâng cấp đường từ Cảng hàng không Thọ Xuân đi Khu kinh tế Nghi Sơn (tiểu dự án 2)
- Đầu tư xây dựng mới các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi trước năm 2025, gồm: đường Xuân Hoà (xã Xuân Khang) - Đồng Bún (Xuân Du); Mậu Lâm - Am Tiên (Núi Nưa); Đồng Tiến (xã Thanh Kỳ) - Nhà máy Xi măng Công Thanh; Cầu Đất (xã Hải Long) - Xuân Cường (xã Xuân Khang) - Thượng Ninh (Như Xuân).
- Cải tạo, nâng cấp các tuyến đường huyện đạt tiêu chuẩn đường cấp IV miền

núi trước năm 2020, gồm: Cán Khê - Phượng Nghi, Xuân Du - Hợp Thắng, Phượng Nghi - Xuân Thọ, Phúc Đường - Xuân Thái, Phúc Đường - Nhà máy Đường - xã Thắng Long (Nông Cống), Hải Vân - Bến En, Trung tâm xã Thanh Kỳ - Tân Hùng (xã Thanh Tân), Rộc Môn (xã Mậu Lâm) - Đồng Thung (xã Phượng Nghi).

b) Hạ tầng thủy lợi

Tập trung đầu tư nâng cấp, sửa chữa hệ thống công trình thủy lợi phục vụ đa mục tiêu (sản xuất nông, lâm nghiệp, công nghiệp, nước sinh hoạt,...); ưu tiên cải tạo và nâng cấp 11 công trình hồ đập, gồm: đập Cây Sù, Ngọc Sớm (xã Mậu Lâm), Bái Đền (xã Thanh Kỳ), Đội I (xã Xuân Phúc), Đá Bàn (xã Phú Nhuận), Tiến Tâm (xã Mậu Lâm), Cây Bo (xã Xuân Khang), Xuân Lai (xã Hải Vân), Cây Si, Khánh Châu (xã Xuân Du), Ao Ràng (xã Xuân Thái)... Đồng thời, lồng ghép các chương trình, dự án và huy động đóng góp của nhân dân để tu sửa các hồ đập nhỏ và sửa chữa nâng cấp 7 trạm bơm: Đồng Lớn, Hải Hoà, Yên Thọ, Minh Thịnh, Phú Cường I và II, Phú Quang. Phân đầu đến năm 2025, kiên cố thêm 300 km kênh mương nội đồng.

c) Hạ tầng cấp điện

Tiếp tục đầu tư nâng cấp, cải tạo đường dây 35 KV, lưới điện hạ áp nông thôn, đảm bảo truyền tải điện ổn định, phục vụ nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân; ưu tiên đầu tư xây dựng hệ thống cấp điện cho 3 thôn chưa có điện tại xã Xuân Thái; cải tạo nâng cấp nhà máy thủy điện sông Mực. Phân đầu đến năm 2020 xây dựng mới 22 trạm biến áp 35 KV và 100% dân số trên địa bàn huyện được sử dụng điện.

d) Hạ tầng cấp nước

Đầu tư hệ thống cấp nước sạch tại thị trấn Bến Sung và các cụm xã, khu đông dân cư; quan tâm đầu tư hệ thống cấp nước sinh hoạt cho các xã vùng sâu, vùng xa. Đầu tư cải tạo, nâng cấp nhà máy cấp nước thị trấn Bến Sung lên 3.600 m³/ngày đêm; đầu tư xây dựng một số nhà máy cấp nước công suất 1.000 - 1.500 m³/ngày đêm tại các cụm công nghiệp, đảm bảo đủ nguồn nước phục vụ hoạt động của các cơ sở sản xuất. Phân đầu đến năm 2020, tỷ lệ dân số đô thị được dùng nước sạch đạt 85% và 96% dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh; năm 2025, 100% dân số đô thị được dùng nước sạch và dân số nông thôn được dùng nước hợp vệ sinh.

4. Phát triển không gian, lãnh thổ

a) Phát triển đô thị

Phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn huyện theo đúng quy hoạch phát triển hệ thống đô thị của tỉnh đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được phê duyệt. Theo đó, từ nay đến năm 2020, trên địa bàn huyện Như Thanh thành lập mới 2 đô thị (Thanh Tân, Bến En), nâng tổng số đô thị trên địa bàn huyện lên 3 đô thị; quy mô dân số đô thị khoảng 15 nghìn người; tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 14% và đạt khoảng 17% vào năm 2025.

b) Phát triển các tiểu vùng

- *Tiểu vùng kinh tế nông nghiệp*: phát triển chăn nuôi đại gia súc theo hướng hàng hoá, tập trung ở các xã: Thanh Kỳ, Thanh Tân, Yên Lạc, Phú Nhuận, Xuân Khang, Hải Long, Hải Vân, Xuân Thọ, Phượng Nghi, Mậu Lâm. Tập trung sản xuất lương thực, cây công nghiệp ngắn ngày, rau màu ở các xã: Xuân Du, Mậu Lâm, Phú Nhuận, Yên Thọ, Cán Khê, Yên Lạc, thị trấn Bến Sung.

- *Tiểu vùng kinh tế lâm nghiệp*: ưu tiên phát triển nông - lâm kết hợp, tập trung ở các xã: Xuân Thái, Xuân Phúc, Phúc Đường, Thanh Tân, Thanh Kỳ; đẩy mạnh trồng rừng nhằm phủ xanh các đồi trọc; kết hợp giữa trồng rừng và trồng cây ăn quả, cây dược liệu (sa nhân tím, ba kích, xạ đen, nghệ đen, đinh lăng, hương bài...) và các cây nguyên liệu phục vụ sản xuất thủ công mỹ nghệ.

- *Tiểu vùng kinh tế dịch vụ*: ưu tiên phát triển các loại hình dịch vụ chất lượng cao, nhất là lĩnh vực du lịch, tài chính, ngân hàng, viễn thông, vận tải, khách sạn, nhà hàng, tập trung tại thị trấn Bến Sung, Bến En.

5. Xây dựng nông thôn mới

Từng bước rà soát, sắp xếp lại hệ thống khu, cụm dân cư gắn với đầu tư hệ thống kết cấu hạ tầng, bảo đảm tập trung, phù hợp với truyền thống và bản sắc văn hóa của đồng bào các dân tộc trong huyện. Thực hiện lồng ghép có hiệu quả các nguồn vốn, nhất là các nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia để đầu tư kết cấu hạ tầng nông thôn. Phấn đấu đến năm 2020 có thêm 5 xã (Hải Long, Hải Vân, Mậu Lâm, Yên Lạc, Cán Khê) đạt chuẩn nông thôn mới, nâng tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới toàn huyện lên 50%; đến năm 2025 đạt 80% xã đạt chuẩn nông thôn mới.

6. Tài nguyên môi trường và biến đổi khí hậu

Quản lý, khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên đất đai, rừng, khoáng sản và nguồn nước. Tăng cường quản lý hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản; thực hiện nghiêm các biện pháp phục hồi môi trường sau khai thác khoáng sản; thực hiện kiểm tra, rà soát, kiên quyết thu hồi các dự án vi phạm các quy định về quản lý đất đai, khoáng sản, gây ô nhiễm môi trường.

Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức và trách nhiệm của toàn xã hội đối với công tác quản lý và bảo vệ môi trường. Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; đẩy mạnh thu hút đầu tư để từng bước đầu tư hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải, rác thải tập trung tại thị trấn Bến Sung, các cụm công nghiệp, làng nghề trên địa bàn huyện trước năm 2025. Mở rộng diện tích che phủ rừng và ngăn chặn nạn khai thác rừng trái pháp luật. Thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các biện pháp nhằm ngăn chặn nguy cơ xảy ra lũ ống, lũ quét, sạt lở đất.

7. Quốc phòng, an ninh

Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, xây dựng nền quốc phòng toàn dân gắn với thế trận an ninh nhân dân. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển

kinh tế - xã hội với đảm bảo quốc phòng - an ninh trong tình hình mới. Tiếp tục thực hiện có hiệu quả đề án Khu dân cư an toàn về an ninh trật tự.

Đẩy mạnh đấu tranh trấn áp các loại tội phạm, không để tội phạm gia tăng; phát động sâu rộng các phong trào quần chúng tham gia đấu tranh phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội, ngăn chặn kịp thời và đẩy lùi các tệ nạn xã hội, tạo môi trường ổn định, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

IV. Định hướng phát triển đến năm 2030

1. Về phát triển kinh tế

- *Trong lĩnh vực nông, lâm, thủy sản:* phát triển mạnh nông nghiệp theo mô hình nông nghiệp sinh thái, bền vững, ứng dụng công nghệ cao, an toàn; giữ ổn định diện tích trồng trọt để bảo đảm an ninh lương thực, đồng thời tăng cường ứng dụng công nghệ tiên tiến trong trồng cây nông nghiệp, công nghiệp, lâm nghiệp, cây dược liệu và cây ăn quả để nâng cao năng suất, chất lượng. Tập trung phát triển chăn nuôi bò sữa gắn với công nghiệp chế biến.

- *Trong lĩnh vực công nghiệp:* đẩy mạnh phát triển công nghiệp ứng dụng công nghệ cao; ưu tiên phát triển công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, hàng may mặc, giày dép, công nghiệp chế biến nông, lâm sản, sản xuất vật liệu xây dựng không nung, vật liệu xây dựng thông minh và điện tử viễn thông, công nghệ thông tin; khuyến khích phát triển sản xuất các sản phẩm công nghệ sinh học, cán thép, cơ khí chế tạo, phân bón, thức ăn chăn nuôi...

- *Trong lĩnh vực dịch vụ:* tập trung phát triển dịch vụ du lịch, vận tải, thương mại, ưu tiên phát triển các sản phẩm dịch vụ chất lượng cao; phát triển quần thể du lịch nghỉ dưỡng và vui chơi giải trí cao cấp Bến En trở thành điểm du lịch nổi tiếng, đẳng cấp quốc tế.

2. Về phát triển văn hóa - xã hội

Tập trung nâng cao chất lượng các hoạt động văn hóa - xã hội, trọng tâm là nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển của huyện. Quan tâm đến công tác bảo tồn, tôn tạo và phát huy các giá trị văn hóa của các dân tộc. Đẩy mạnh công tác xóa đói giảm nghèo, giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội, nâng cao đời sống vật chất và mức hưởng thụ văn hóa tinh thần của nhân dân. Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với đảm bảo quốc phòng - an ninh. Đẩy mạnh các phong trào toàn dân tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc.

V. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư: Có phụ lục kèm theo.

VI. Giải pháp thực hiện quy hoạch

1. Giải pháp về huy động vốn đầu tư

Đẩy mạnh thu hút, huy động các nguồn vốn đầu tư và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn đầu tư cho phát triển; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh; tổ chức và thực hiện tốt các cơ chế, chính sách ưu đãi trên địa bàn huyện. Hoàn chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016 - 2020 theo đúng quy định hiện hành của pháp luật; đồng thời đẩy nhanh thực hiện các chương trình

mục tiêu quốc gia về giảm nghèo và xây dựng nông thôn mới. Huy động tối đa nguồn vốn từ khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng nông thôn mới.

2. Giải pháp về thu hút, đào tạo nguồn nhân lực

Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý các cấp nhằm nâng cao chất lượng công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện. Mở rộng quy mô đào tạo của các trung tâm hướng nghiệp dạy nghề cho người lao động nhằm nâng cao kiến thức và chất lượng tay nghề, đáp ứng yêu cầu phát triển. Tăng cường việc tuyên truyền, phổ biến việc ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, tạo phong trào tìm hiểu, tự học trong các tầng lớp nhân dân.

3. Giải pháp về phát triển khoa học - công nghệ

Đẩy mạnh việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất, nhất là tiến bộ kỹ thuật, công nghệ cao, công nghệ sạch nhằm đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn huyện. Trong sản xuất nông nghiệp, chú trọng nghiên cứu, khảo nghiệm các giống cây trồng, vật nuôi có năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, phù hợp với điều kiện tự nhiên, thổ nhưỡng để đưa vào sản xuất; trong sản xuất công nghiệp, chú trọng ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất sản phẩm mới, chế biến hàng nông sản với quy mô nhỏ phục vụ quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn.

4. Giải pháp về cơ chế chính sách

Công bố công khai nội dung của các cơ chế, chính sách của Trung ương, của tỉnh đã ban hành đến đông đảo người dân và doanh nghiệp; đồng thời, tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách, trong đó tập trung vào các cơ chế chính sách khuyến khích phát triển nông, lâm, thủy sản, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, hỗ trợ đầu tư lĩnh vực nông nghiệp nông thôn, công nghiệp, thương mại và xã hội hóa lĩnh vực văn hóa - xã hội.

5. Giải pháp về bảo vệ môi trường

Tăng cường quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường. Tập trung bảo vệ môi trường các sông, hồ; khắc phục ô nhiễm môi trường tại đô thị, các cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia các hoạt động bảo vệ môi trường; phát động phong trào tình nguyện của học sinh, sinh viên, đoàn thanh niên về bảo vệ môi trường. Xây dựng quy chế, tổ chức phát động các mô hình cộng đồng tự quản, cam kết về vệ sinh môi trường, cam kết bảo vệ rừng. Khuyến khích các doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện các dịch vụ vệ sinh môi trường ở địa bàn các xã.

6. Giải pháp về giảm nghèo nhanh và bền vững

Thực hiện tốt các chính sách thuộc các chương trình mục tiêu giảm nghèo; tạo điều kiện thuận lợi để các hộ nghèo, gia đình chính sách tiếp cận được các chương trình, chính sách hỗ trợ của nhà nước về tín dụng ưu đãi cho đầu tư sản

xuất, dạy nghề, giải quyết việc làm, từ đó hộ nghèo có cơ hội vươn lên làm giàu. Quan tâm đầu tư xây dựng các mô hình giảm nghèo và dạy nghề cho người nghèo.

Điều 2. Giao UBND huyện Như Thanh căn cứ vào mục tiêu, nhiệm vụ và phương hướng phát triển kinh tế - xã hội của huyện trong quy hoạch được phê duyệt, chủ trì phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan triển khai thực hiện các nội dung sau:

- Thông báo rộng rãi Quy hoạch đến các ban, ngành, xã và nhân dân trên địa bàn huyện biết để thực hiện quy hoạch.

- Tiến hành rà soát quy hoạch và lập quy hoạch chi tiết đối với ngành và lĩnh vực quan trọng như quy hoạch xây dựng đô thị,... cho phù hợp với Quy hoạch đã được phê duyệt.

- Lập kế hoạch 5 năm và hàng năm, các chương trình phát triển kinh tế - xã hội trọng điểm, các dự án cụ thể để đầu tư tập trung, ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư một cách hợp lý.

- Trình cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành một số cơ chế, chính sách phù hợp với yêu cầu phát triển của huyện trong từng giai đoạn, nhằm thu hút, huy động các nguồn lực để thực hiện quy hoạch.

Điều 3. Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm:

- Hướng dẫn và giúp đỡ UBND huyện Như Thanh nghiên cứu, tổ chức thực hiện các nội dung nêu tại Điều 2 Quyết định này.

- Giúp đỡ UBND huyện Như Thanh trong quá trình quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch; đồng thời kiểm tra việc thực hiện của huyện Như Thanh.

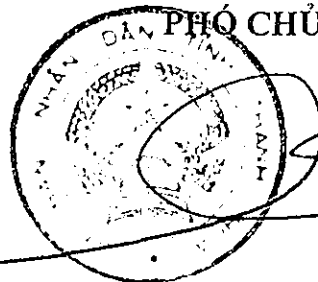
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Như Thanh, Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành cấp tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4 QĐ;
- Thường trực Tỉnh ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THKH.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Đức Quyền